

THÔN NAM HOA XUÂN**BIỂU THỐNG KÊ THIẾT HẠI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP SAU BẢO SỐ 5**

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Tổng DT thiệt hại (m2)	Cây lúa (Sau gieo trồng trên 45 ngày)		Kinh phí hỗ trợ
			Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
1	Nguyễn Đức Hùng	3.033	2.400	633	2.716.500
2	Nguyễn Thị Lương	2.130	1.650	480	1.890.000
3	Nguyễn Xuân Công	4.060	3.200	860	3.630.000
4	Nguyễn Văn Bảo	1.860	1.500	360	1.680.000
5	Nguyễn Văn Cứ	2.300	1.840	460	2.070.000
6	Trần Quang Phương	3.060	2.400	660	2.730.000
7	Hồ Thị Đào	2.700	2.160	540	2.430.000
8	Nguyễn Văn Cam	1.160	925	235	1.042.500
9	Nguyễn Văn Hồng	1.900	1.520	380	1.710.000
10	Trần Quang Thêm	940	750	190	845.000
11	Trần Quang Lợi	940	750	190	845.000
12	Trần Thị Hoa	940	750	190	845.000

13	Trần Quang Tài	1.360	1.090	270	1.225.000
14	Lê Văn Lam	2.230	1.780	450	2.005.000
15	Lê Văn Minh	1.300	1.040	260	1.170.000
16	Lê Văn Huấn	1.360	1.090	270	1.225.000
17	Lê Xuân Tiến	3.130	2.500	630	2.815.000
18	Nguyễn Thị Thanh	1.500	1.200	300	1.350.000
19	Trần Văn Hung	830	670	160	750.000
20	Nguyễn Văn Tường	2.700	2.160	540	2.430.000
21	Nguyễn Thị Nhi	940	750	190	845.000
22	Phan thế Anh	2.060	1.600	460	1.830.000
23	Lê Văn Khuân	3.100	2.480	620	2.790.000
24	Lê Thanh Hoa	2.130	1.700	430	1.915.000
25	Lê Văn Hôngh	3.264	2.610	654	2.937.000
26	Hồ Năng Loan	1.630	1.300	330	1.465.000
27	Hồ Năng Thái	3.030	2.400	630	2.715.000
28	Hồ Năng Nguyên	1.360	1.090	270	1.225.000
29	Hồ Năng Sơn	2.530	2.000	530	2.265.000
30	Nguyễn Văn Thắng	1.400	1.100	300	1.250.000
31	Nguyễn Văn Thám	2.800	2.240	560	2.520.000
32	Phan Ngọc Thanh	3.130	2.500	630	2.815.000
33	Nguyễn Thị Tam	940	750	190	845.000

34	Nguyễn Thị Mai	2.330	1.865	465	2.097.500
35	Bùi Công san	940	755	186	848.000
36	Bùi Công Lâm	1.400	1.100	300	1.250.000
37	Lê Hồng Anh	1.665	1.335	330	1.500.000
38	Nguyễn Văn Trình	3.130	2.500	630	2.815.000
39	Phan Văn Hùng	1.860	1.500	360	1.680.000
40	Phan Ngọc Hùng	500	500	0	500.000
41	Phan Ngọc Báu	1.260	1.000	260	1.130.000
42	Phan Ngọc Chương	900	720	180	810.000
43	Phan Xuân Thê	1.860	1.500	360	1.680.000
44	Phan Ngọc Quyền	1.665	1.330	335	1.497.500
45	Nguyễn Thị Hòa	4.000	3.200	800	3.600.000
46	Nguyễn Thị Dục	1.860	1.500	360	1.680.000
47	Nguyễn Văn Hà	1.600	1.280	320	1.440.000
48	Nguyễn Đình Thắng	1.765	1.400	365	1.582.500
49	Nguyễn Văn Liêm	2.830	2.260	570	2.545.000
50	Phan Hữu Nông	2.630	2.100	530	2.365.000
51	Nguyễn thị Cháu	2.330	1.860	470	2.095.000
52	Phan Văn Toàn	1.860	1.500	360	1.680.000
53	Trần Văn Lai	1.760	1.400	365	1.582.500
54	Trần Văn Công	1.300	1.040	260	1.170.000

55	Trần Văn Tùng	1.700	1.360	340	1.530.000
56	Nguyễn Trọng Thiện	1.665	1.330	335	1.497.500
57	Nguyễn Thị Đỏ	470	470	0	470.000
58	Nguyễn Văn Thúc	1.765	1.410	355	1.587.500
59	Nguyễn Văn Thê	1.860	1.490	370	1.675.000
60	Nguyễn Văn Đông	2.900	2.320	580	2.610.000
61	Nguyễn Văn Sơn	2.800	2.240	560	2.520.000
62	Lê Thị Tịnh	1.300	1.064	266	1.197.000
63	Phan Ngọc Phương	1.265	1.012	253	1.138.500
64	Trần Văn Lợi	1.860	1.488	372	1.674.000
65	Trương Thị Ngâu	1.860	1.490	370	1.675.000
66	Lê Văn Đoàn	2.230	1.760	470	1.995.000
67	Lê Văn Bảo	1.860	1.490	370	1.675.000
68	Lê Ngọc Dũng	3.780	3.020	760	3.400.000
69	Nguyễn Văn Hồng	1.900	1.520	380	1.710.000
70	Nguyễn Hữu Trước	1.440	1.120	280	1.260.000
71	Nguyễn Viết Liệu	1.860	1.490	370	1.675.000
72	Nguyễn Văn Long	655	520	135	587.500
73	Nguyễn Văn Minh	1.760	1.410	350	1.585.000
74	Trần Thị Tình	1.860	1.490	370	1.675.000
75	Lê Xuân Việt	1.800	1.440	360	1.620.000

76	Hoàng Văn Lộc	2.300	1.840	460	2.070.000
77	Nguyễn Văn Bé	2.700	2.160	540	2.430.000
78	Trần Thị Chương	1.260	1.010	250	1.135.000
79	Nguyễn Anh Phương	1.860	1.490	370	1.675.000
80	Lê Văn Hạ	1.940	1.550	390	1.745.000
81	Lê Văn Thái	2.060	1.840	220	1.950.000
82	Lê Văn Trúc	2.360	1.890	470	2.125.000
83	Lê Văn Giáo	2.360	1.890	470	2.125.000
84	Lê Văn Thạo	2.060	1.650	410	1.855.000
85	Nguyễn Xuân Hảo	2.360	1.690	670	2.025.000
86	Nguyễn Văn Thường	2.500	2.000	500	2.250.000
87	Trương Ngọc Nhất	1.900	1.520	380	1.710.000
88	Nguyễn Văn Quý	2.800	2.240	560	2.520.000
89	Nguyễn Văn Dương	1.860	1.490	370	1.675.000
90	Lê Thị Hy	900	720	180	810.000
91	Nguyễn Thị Công	1.860	1.490	370	1.675.000
92	Nguyễn Văn Nông	2.330	1.860	470	2.095.000
93	Nguyễn Văn Nồng	2.100	1.620	420	1.830.000
94	Nguyễn Văn Lan	2.030	1.620	410	1.825.000
95	Nguyễn Văn Cúc	1.730	1.380	350	1.555.000
96	Nguyễn Thị Bảy	1.400	1.220	280	1.360.000

97	Nguyễn Văn Mai	2.400	1.920	480	2.160.000
98	Nguyễn Thanh Trúc	1.940	1.550	390	1.745.000
99	Nguyễn Văn Danh	1.860	1.490	370	1.675.000
100	Hồ Năng Cúc	1.765	1.400	365	1.582.500
101	Nguyễn Văn Phong	1.765	1.400	365	1.582.500
102	Nguyễn Văn Thành	2.300	1.840	460	2.070.000
103	Nguyễn Thị Thủy	1.400	1.220	280	1.360.000
104	Nguyễn Văn Dược	2.330	1.860	470	2.095.000
105	Nguyễn Văn Hà	3.265	2.610	650	2.935.000
106	Trần Thị Sơn	500	500	0	500.000
107	Nguyễn Văn Hựu	940	760	180	850.000
108	Hồ Năng Nguyệt	970	790	180	880.000
109	Lê Ngọc Niên	1.630	1.300	330	1.465.000
110	Phan Văn Quỳnh	1.060	850	210	955.000
111	Nguyễn Văn Hương	830	660	170	745.000
112	Nguyễn Văn Sơn	665	525	140	595.000
113	Nguyễn Thị Thủy	1.165	925	240	1.045.000
114	Bùi Công Thiện	940	750	190	845.000
115	Lê Thị Huyền	940	750	190	845.000
116	Nguyễn Văn Hùng	2.700	2.160	540	2.430.000
117	Nguyễn Việt Phú	1.000	800	200	900.000

118	Nguyễn Văn Lượng	360	360	0	360.000
119	Nguyễn Văn Ngọc	1.160	930	230	1.045.000
120	Lê Văn Tiến	2.560	2.040	520	2.300.000
121	Nguyễn Văn Chương	2.730	2.180	550	2.455.000
122	Nguyễn Văn Đảm	1.940	1.550	390	1.745.000
123	Nguyễn Thị Thường	1.440	1.150	290	1.295.000
124	Nguyễn Tiến Tư	2.650	2.120	530	2.385.000
125	Hồ Năng Phú	2.470	1.970	500	2.220.000
126	Nguyễn Tổng Anh	1.860	1.490	370	1.675.000
127	Nguyễn Xuân Thái	2.000	1.600	400	1.800.000
128	Nguyễn Tổng Hồng	1.060	850	210	955.000
129	Nguyễn Tổng Sơn	2.230	1.780	450	2.005.000
130	Nguyễn Văn Lộc	1.330	1.070	260	1.200.000
131	Nguyễn Văn Hoàng	4.100	3.280	820	3.690.000
132	Nguyễn Văn Lĩnh	1.500	1.200	300	1.350.000
133	Nguyễn Văn Tâm	3.300	2.640	660	2.970.000
134	Nguyễn Văn Phú	3.500	2.800	700	3.150.000
135	Nguyễn Thị Tiến	3.130	2.500	630	2.815.000
136	Nguyễn Văn Vọng	2.330	1.860	470	2.095.000
137	Nguyễn Văn Tường	2.330	1.860	470	2.095.000
138	Nguyễn Văn Tòng	1.700	1.360	340	1.530.000

139	Trương Ngọc Tâm	2.730	2.180	550	2.455.000
140	Trương Ngọc Quyết	1.100	880	220	990.000
141	Trương Ngọc Cương	1.860	1.490	370	1.675.000
142	Hồ Năng Thuyên	530	420	110	475.000
143	Hồ Năng Lợi	2.400	1.920	480	2.160.000
144	Lê Văn Hương	1.800	1.440	360	1.620.000
145	Nguyễn Thị Thai	2.060	1.650	410	1.855.000
146	Trần Văn Nguyệt	1.000	800	200	900.000
147	Nguyễn Văn Tuấn	2.600	2.086	520	2.346.000
148	Hồ Năng Xờ	1.830	1.460	370	1.645.000
149	Nguyễn Thị Nhiệm	800	640	160	720.000
150	Nguyễn Thọ Thắng	1.800	1.440	360	1.620.000
151	Nguyễn Văn Tuyền	1.630	1.310	320	1.470.000
152	Phan Tân Phong	2.000	1.600	400	1.800.000
153	Trần Thị Hường	1.330	1.060	270	1.195.000
154	Nguyễn Thị Thuần	1.165	940	225	1.052.500
155	Phan Văn Hường	3.030	2.406	600	2.706.000
156	Nguyễn Văn Tri	1.000	800	200	900.000
157	TRẦN Quang Quý	2.100	1.680	420	1.890.000
158	Phan Xuân Duyên	1.860	1.490	370	1.675.000
159	Nguyễn Văn Đoàn	2.560	2.050	510	2.305.000

160	Nguyễn Đình Chiến	2.940	2.350	590	2.645.000
161	Nguyễn Thị Thỏ	1.130	900	230	1.015.000
162	Nguyễn Văn Thu	2.700	2.160	540	2.430.000
163	Nguyễn Văn Thạo	630	500	130	565.000
164	Dương Thị Sen	1.300	1.040	260	1.170.000
165	Nguyễn Văn Nhật	1.900	1.520	380	1.710.000
166	Nguyễn Văn Tuyển	2.165	1.720	440	1.940.000
167	Phan Văn Tuyết	1.800	1.440	360	1.620.000
168	Phan Thị Hòa	330	330	0	330.000
169	Phan Văn Dân	730	584	146	657.000
170	Phan Thế Phỏ	3.600	2.880	720	3.240.000
171	Nguyễn Văn Bé	1.970	1.580	390	1.775.000
172	Nguyễn Văn Long	900	720	180	810.000
173	Nguyễn Văn Linh	700	560	140	630.000
174	Lê Thị Liên	1.860	1.490	370	1.675.000
175	Nguyễn Văn Triển	1.000	800	200	900.000
176	Nguyễn Văn Thế	2.200	1.760	440	1.980.000
177	Nguyễn Xuân Đảm	1.800	1.440	360	1.620.000
178	Nguyễn Thị Viêm	1.860	1.490	370	1.675.000
179	Nguyễn Đỏ	230	230	0	230.000
180	Nguyễn Hữu Nông	2.800	2.240	560	2.520.000

181	Nguyễn Thị Tảo	1.260	1.010	250	1.135.000
182	Nguyễn Văn Khoa	2.130	1.700	430	1.915.000
183	Nguyễn Văn Kiêm	2.560	2.040	520	2.300.000
184	Hoàng Thị Châu	2.130	1.710	420	1.920.000
185	Lê Thị Thanh	900	720	180	810.000
186	Nguyễn Thị Thảo	730	584	146	657.000
187	Nguyễn Xuân Linh	2.265	1.815	450	2.040.000
188	Nguyễn Xuân Dậu	1.560	1.250	310	1.405.000
189	Nguyễn Thị Nga	2.100	1.680	420	1.890.000
190	Nguyễn Thị Kỷ	2.300	1.840	460	2.070.000
191	Nguyễn Thị Thường	2.230	1.780	450	2.005.000
192	Nguyễn Xuân Quyết	2.265	1.800	465	2.032.500
193	Nguyễn Thị Tháng	1.730	1.390	340	1.560.000
194	Nguyễn Hữu Hoài	1.165	935	230	1.050.000
195	Nguyễn Văn Cảnh	1.830	1.460	370	1.645.000
196	Nguyễn Văn Hàn	900	720	180	810.000
197	Trần Quang Hùng	2.860	2.290	570	2.575.000
198	Lê Thị Cúc	3.360	2.690	670	3.025.000
199	Nguyễn Xuân Tùng	2.400	1.920	480	2.160.000
200	Nguyễn Văn Tùng	3.060	2.450	610	2.755.000
201	Hồ Thị Liên	530	420	110	475.000

202	Nguyễn Tiến Tuất	1.800	1.440	360	1.620.000
203	Nguyễn Thị Kim Hoa	1.800	1.440	360	1.620.000
204	Trần Văn Tình	1.000	800	200	900.000
205	Trần Văn Nhạy	265	265	0	265.000
206	Trần Quang Nam	2.700	2.160	540	2.430.000
207	Trần Quang Dũng	900	720	180	810.000
208	Hồ Năng Sang	2.265	1.805	460	2.035.000
209	Nguyễn Thị Bé	1.265	1.000	265	1.132.500
210	Nguyễn Văn Giáo	1.900	1.520	380	1.710.000
211	Trần Viết Nghị	900	720	180	810.000
212	Nguyễn Văn Huỳnh	2.000	1.600	400	1.800.000
213	Nguyễn Văn Tân	400	400	0	400.000
214	Nguyễn Văn Lộc	1.800	1.440	360	1.620.000
215	Nguyễn Văn Tài	400	400	0	400.000
216	Nguyễn Thị Bửu	1.000	800	200	900.000
217	Nguyễn Văn Lộc	2.700	2.160	540	2.430.000
218	Nguyễn Văn Khiên	470	470	0	470.000
219	Nguyễn Văn Lộc (mỹ)	830	660	170	745.000
220	Nguyễn Văn Chương	1.530	1.220	310	1.375.000
221	Phan Thế Dũng	1.830	1.460	370	1.645.000

222	Nguyễn Văn Dũng	1.800	1.440	360	1.620.000
223	Hồ Năng Giáp	700	560	140	630.000
224	Nguyễn Văn Minh	800	640	160	720.000
225	Nguyễn Thị Hương	940	750	190	845.000
226	Danh Oanh	1.330	1.060	270	1.195.000
227	Nguyễn Xuân Thành	1.500	1.200	300	1.350.000
228	Nguyễn Xuân Thiết	5.300	430	100	480.000
229	Nguyễn Văn Số	530	430	100	480.000
230	Nguyễn Thị Hải	1.030	830	200	930.000
231	Hồ Năng Dũng	1.500	1.200	300	1.350.000
232	Hồ Năng Niên	500	500	0	500.000
233	Nguyễn Văn Trung	1.000	800	200	900.000
234	Nguyễn Văn Dương	2.500	2.000	500	2.250.000
235	Nguyễn Văn Đông	800	640	160	720.000
236	Nguyễn Văn Báu	800	640	160	720.000
237	Nguyễn Văn Hà	1.230	990	240	1.110.000
238	Nguyễn Văn Đức	665	535	130	600.000
239	Nguyễn Văn Lợi	1.300	1.040	260	1.170.000
240	Nguyễn Văn Thắng	500	500	0	500.000
241	Phan Văn Thế	1.000	800	200	900.000

242	Nguyễn Văn Liên	800	640	160	720.000
243	Phan Thị Châu	730	590	140	660.000
244	Nguyễn Xuân Hường	1.000	800	200	900.000
245	Hồ Năng Xờ	7.500	5.000	1.500	5.750.000
	TỔNG	442.002	349.469	86.871	392.904.500